

Bản án số: 38/2024/DS-ST

Ngày: 06/9/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Th
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành V
Ông Nguyễn Văn Ng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Cao
Thanh Nam - Kiểm sát viên

Vào ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh
Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2024/DSST ngày 18
tháng 3 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 8 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Doãn Thị H, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ : Tổ 7, ấp Đồi Đá xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Lê Văn K, sinh năm 1976, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (Có mặt)

Cùng địa chỉ : Tổ 4, ấp 8, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông : Nguyễn Thế H, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ : Ấp 8, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2023 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà
Doãn Thị H trình bày :*

Vào ngày 14/12/2015 bà Doãn Thị H có cho vợ chồng bà Hương ông Kiếm mượn số
tiền 45.000.000đồng hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/ 1 tháng từ khi vay tiền vợ chồng bà
Hương không trả tiền lãi. Đến ngày 15/01/2018 âm lịch (tức ngày 02/02/2018) thì có
viết giấy mượn nợ mới ghi tổng số tiền là 67.000.000đồng (trong đó tiền gốc là
45.000.000đồng, tiền lãi là 22.000.000đồng).

Vào tháng 4 năm 2018 bà Doãn Thị H có cho vợ chồng bà Hương vay số tiền 29.000.000đồng, tiền lãi suất là 1%/1 tháng, kể từ khi vợ chồng bà Hương mượn tiền chưa trả tiền lãi cho bà Hồng.

Đến tháng 01 năm 2022 vợ chồng bà Hương trả cho bà Hồng số tiền 50.000.000đồng, bà Hồng đồng ý trừ vào số tiền 45.000.000đồng tiền gốc, còn lại số tiền 5.000.000đồng là tiền lãi trong số tiền 45.000.000đồng.

Đối với số tiền ghi trong đơn khởi kiện vào tháng 9/2017 ông Kiếm bà Hương mượn số tiền 15.000.000đồng không tính lãi suất hiện nay bà Hồng không tính nữa, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Bị đơn ông Lê Văn K trình bày;

Vào ngày 14/12/2015 thì vợ chồng ông Kiếm bà Hương có mượn của bà Hồng số tiền 45.000.000đồng với lãi suất 5%/1 tháng, tiền lãi là 2.250.000đồng /1 tháng, hàng tháng vợ chồng ông Kiếm có trả tiền lãi cho bà Hồng. Đến năm 2017 vợ chồng ông Kiếm trả được 2 tháng tiền lãi là 5.000.000đồng, còn lại 10 tháng tiền lãi chưa trả là 22.000.000đồng. Đến ngày 15/01/2018 âm lịch (tức là ngày 02/02/2018) do sức khỏe của Hồng không đảm bảo bà Hồng sợ chết nên có ghi giấy mượn nợ số tiền là 67.000.000đồng (trong đó 45.000.000đồng tiền gốc và 22.000.000đồng tiền lãi của năm 2017). Tháng 4 năm 2018 thì vợ chồng ông Kiếm có mượn 29.000.000đồng, tiền lãi theo lãi suất nhà nước. Tháng 02 năm 2022 vợ chồng ông Kiếm có trả cho bà Hồng được 50.000.000đồng đưa cho con trai bà Hồng là Nguyễn Thế H nhận, chính con trai bà Hồng nói là lấy tiền gốc thôi, không lấy lãi.

Khi vợ chồng ông Kiếm trả tiền thì bà Hồng có nói số tiền còn 24.000.000đồng tiền gốc và 22.000.000đồng tiền lãi khi nào các con ông Kiếm ra trường trả dần cho bà Hồng .

Tại phiên tòa ngày hôm nay vợ chồng ông Kiếm vẫn chấp nhận trả cho bà Hồng số tiền gốc là 24.000.000đồng và 22.000.000đồng tiền lãi cho bà Hồng .

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày :

Bà Nguyễn Thị H thống nhất như lời trình bày của ông Lê Văn K đã trình bày ở trên, vì số tiền trên khi vay mượn là vợ chồng đều thống nhất. Tại phiên tòa ngày hôm nay vợ chồng bà Hương vẫn chấp nhận trả cho bà Hồng số tiền gốc là 24.000.000đồng và 22.000.000đồng tiền lãi cho bà Hồng .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thế H trình bày :

Ông Hùng là con của bà Hồng tháng 02 năm 2022 ông Hùng có nhận của vợ chồng ông Kiếm bà Hương số tiền 50.000.000đồng về đưa cho mẹ là bà Doãn Thị H, ngoài ra không có ý kiến gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

**** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:***

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* *Về nội dung giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị H, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử như sau:

+ Buộc Lê Văn K và bà Nguyễn Thị H trả cho bà Doãn Thị H số tiền gốc 24.000.000đồng và tiền lãi của khoản vay 45.000.000đồng tính theo giấy tờ vay 02/02/2018 đến ngày 22/02/2022, khoản tiền lãi của số tiền vay 29.000.000đồng tính từ ngày 15/4/2018 đến ngày 22/02/2022. Khoản tiền lãi của số tiền gốc 24.000.000đồng tính từ ngày 23/02/2022 đến ngày Tòa án xét xử.

+ Về án phí đương sự phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Doãn Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu vợ chồng ông Kiêm bà Hương trả số tiền 45.000.00đồng theo giấy mượn tiền ngày 02/02/2018 và giấy nhận nợ tháng 4/2018 số tiền 29.000.000đồng và lãi suất theo quy định của nhà nước.

Căn cứ yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vợ chồng ông Kiêm bà Hương cư trú tại ; tổ 4, ấp 8, xã Lộc Điền, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Doãn Thị H : Quá trình giải quyết vụ án bà Doãn Thị H và vợ chồng ông Kiêm bà Hương thừa nhận có viết giấy có viết giấy mượn nợ ngày 02/02/2018 tổng số tiền gốc là 67.000.000đồng (trong đó tiền gốc là 45.000.000đồng, tiền lãi là 22.000.000đồng) và giấy nhận nợ tháng 4/2028 số tiền 29.000.000đồng. Xét tính pháp lý của giấy mượn nợ ngày 02/20/2018 và giấy nhận nợ tháng 4/2028 số tiền 29.000.000đồng .

Về hình thức: Giấy mượn nợ và giấy nhận nợ các bên tự thỏa thuận.

Về hình thức của hợp đồng vay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung thỏa thuận của giấy mượn nợ và giấy nhận nợ : Nội dung trong hợp đồng các đương sự thừa nhận hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận với nhau không bị ép buộc, lừa dối. Nội dung thể hiện giữa bà Hồng và vợ chồng ông Kiêm bà Hương ký

giấy tờ đầy đủ, nội dung thỏa thuận này không trái với pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

Về quyền và nghĩa vụ của các bên:

Hội đồng xét xử thấy rằng; Tại phiên tòa vợ chồng ông Kiếm bà Hương khẳng định trước đây có mượn bà Hồng từ năm 2013 và đã trả đầy đủ, đến năm 2018 thì viết giấy mượn nợ ngày 02/02/2018 số tiền 45.000.000đồng và giấy nhận nợ tháng 4/2018 số tiền 29.000.000đồng. Vợ chồng bà Hương, ông Kiếm thống nhất là theo giấy viết giấy mượn nợ ngày 02/02/2018 số tiền 45.000.000đồng và giấy nhận nợ tháng 4/2028 số tiền 29.000.000đồng từ khi vay 02 khoản tiền trên chưa trả được tiền lãi cho bà Hồng. Đến ngày 22/02/2022 vợ chồng bà Hương ông Kiếm đã trả cho con bà Hồng số tiền 50.000.000đồng trừ vào số tiền gốc và xin toàn bộ tiền lãi suất.

Đối với số tiền lãi 22.000.000đồng ghi trong giấy mượn nợ ngày 02/02/2018 là vượt quá lãi suất do Ngân hàng quy định nên nguyên đơn và bị đơn thống nhất tính theo lãi suất do pháp luật quy định và tính từ ngày 02/02/2018.

Tại phiên tòa bà Doãn Thị H thống nhất viết giấy mượn nợ ngày 02/02/2018 số tiền 45.000.000đồng và giấy nhận nợ tháng 4/2028 số tiền 29.000.000đồng . Đến ngày 22/02/2022 vợ chồng ông Kiếm đã trả cho con của bà Hồng được số tiền 50.000.000đồng thống nhất trừ vào tiền gốc, nhưng yêu cầu Hội đồng xét xử tính tiền lãi suất của số tiền gốc là 45.000.000đồng tính từ ngày 02/02/2018 và số tiền gốc là 29.000.000đồng tính từ ngày 15/4/2018 .Việc vợ chồng ông Kiếm trình bày đã trả hàng tháng số tiền lãi 5% cho bà Doãn Thị H trước đây bà Hồng không thừa nhận .

Do nguyên đơn và bị đơn không thống nhất được với nhau về ngày mượn nợ của số tiền 45.000.000đồng, bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn K cho rằng mượn nợ tứ tháng 8 năm 2017. Bà Doãn Thị H cho rằng số tiền lãi 22.000.000đồng tính từ ngày 14/12/2015 của số tiền gốc 45.000.000đồng. Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 02/02/2018 bà Hồng cung cấp là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vợ chồng bà Hương ông Kiếm thống nhất theo giấy mượn nợ ngày 02/02/2018. Đối với giấy nhận nợ số tiền 29.000.000đồng ghi vào tháng 4/2018 vợ chồng bà Hương, ông Kiếm có ghi giấy nhận nợ 29.000.000đồng, tại phiên tòa giữa nguyên đơn và bị đơn thống nhất tính từ ngày 15/4/2018, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn nên không cần phải chứng minh, bị đơn thừa nhận từ khi vay số tiền 45.000.000đồng và số tiền 29.000.000đồng vợ chồng bà Hương, ông Kiếm chưa trả cho bà Hồng tiền lãi suất.

Về tiền lãi suất bị đơn cho rằng đã trả cho bà Hồng là 5%/ 1 tháng nhưng không có giấy tờ nào để chứng minh cho việc trả lãi suất, nguyên đơn không thừa nhận việc vợ chồng bà Hương đã trả số tiền lãi.

Xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn không thống nhất với nhau về việc tính lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là phù hợp .

Số tiền gốc 45.000.000đồng tính từ ngày 02/02/2018 đến ngày 22/02/2022 là 4 năm 20 ngày .

Số tiền lãi $45.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/ \text{tháng} = 373.500\text{đồng}/\text{tháng} : 30 \text{ ngày} = 12.450\text{đồng}/\text{ngày} .$

Như vậy tiền lãi 4 năm 20 ngày = 18.273.000đồng

Số tiền gốc 29.000.000đồng tính từ ngày 15/4/2018 đến ngày 22/02/2022 là 3 năm 10 tháng 7 ngày .

Số tiền lãi $29.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 240.700\text{đồng}/\text{tháng} : 30 \text{ ngày} = 8.023\text{đồng} / \text{ngày} .$

Như vậy số tiền lãi 3 năm 10 tháng 7 ngày = 11.128.361đồng .

Tính đến ngày 22/02/2022, tổng số tiền gốc vợ chồng ông Kiếm bà Hương nợ bà Hồng số tiền 45.000.000đồng + 29.000.000.000đồng = 74.000.000đồng (*Bảy mươi bốn triệu đồng*), vợ chồng bà Hương ông Kiếm đã trả được 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*), còn nợ lại tiền gốc 24.000.000đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) và tiền lãi 18.273.000đồng + 11.128.361đồng = 29.401.361đồng (*Hai mươi chín triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, ba trăm sáu mươi một đồng*) .

Số tiền gốc 24.000.000đồng tính từ ngày 23/02/2022 đến ngày 06/9/2024 là 2 năm 6 tháng 13 ngày .

Số tiền lãi $24.000.000\text{đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 199.200\text{đồng}/\text{tháng} : 30 \text{ ngày} = 6.640\text{đồng} / \text{ngày}$

Như vậy số tiền lãi 2 năm 6 tháng 13 ngày = 6.062.320đồng (*Sáu triệu, không trăm sáu mươi hai ngàn, ba trăm hai mươi đồng*).

Tại phiên tòa bà Hồng tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện số tiền tháng 9/2017 bà Hồng cho ông Kiếm bà Hương mượn số tiền 15.000.000đồng Hội đồng xét xử cần đình chỉ.

Yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị H được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần cần buộc vợ chồng ông Kiếm bà Hương trả cho Doãn Thị H số tiền gốc 24.000.000đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*) và tiền lãi suất tính đến ngày 06/9/2024 là 29.401.361đồng + 6.062.320đồng = 35.463.681 đồng (*Ba mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm tám mươi một đồng*) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Như vậy, vợ chồng ông Kiếm bà Hương phải chịu số tiền 2.973.184đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối với số tiền án phí của bà Hồng không được Tòa án chấp nhận phải chịu tiền án phí DSST nhưng bà Hồng là người cao tuổi nên được miễn.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 465, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị H .

Buộc vợ chồng ông Lê Văn K bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho bà Doãn Thị H tổng số tiền 59.463.681đồng (*Năm mươi chín triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm tám một đồng*).

Trong đó : Số tiền gốc 24.000.000đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

Tiền lãi tính đến ngày 06/9/2024 là 35.463.681 đồng (*Ba mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, sáu trăm tám một đồng*).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Doãn Thị H đối với số tiền 15.000.000đồng ông Kiểm bà Hương mượn tháng 9/2017.

2/ Về án phí: Vợ chồng ông Kiểm bà Hương phải chịu số tiền 2.973.184đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

5/ *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Th

